

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THĂNG LONG**  
**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Tại ngày 31/12/2013



**CÔNG TY CP QUẢN LÝ QUỸ THĂNG LONG**

L14-08B, Tầng 14, Trung tâm Vincom, 72 Lê Thánh Tông, phường Bến Nghé, quận 1, TP HCM

Tel: (84-8) 6288 5603 Fax: (84-8) 62885 604

---

**MỤC LỤC**

**NỘI DUNG**

**TRANG**

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

02 - 03

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

04 - 05

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

06 - 13

28-C  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
HỮU HẠN  
VÀ ĐÌNH  
HỘI  
NAI  
- TP

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thăng Long trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã được soát xét tại thời điểm 31/12/2013.

**Khái quát chung về Công ty**

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thăng Long (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tên giao dịch quốc tế là THANG LONG FUND MANAGEMENT JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là TLC. Công ty thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 43/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 11/11/2008.

Theo Giấy phép điều chỉnh số 31/QPĐC-UBCK ngày 03/10/2013 thì vốn Điều lệ của Công ty là: **30.000.000.000 VND** (Ba mươi tỷ đồng Việt Nam)

**Danh sách cổ đông sáng lập:**

Số TT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Công ty Tài chính Cổ phần Handico	Tầng 2 Tòa nhà Thăng Long Ford, 105 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	Cổ phần phổ thông	300.000	10%
2	Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính Thăng Long	P112, Tầng 11, Tòa nhà Viglacera, Mỹ Trì, Hà Nội	Cổ phần phổ thông	2.100.000	70%
3	Công ty TNHH Chứng khoán Meritz	34-10Yeouido-dong, Youngdeungpo-gu, Seoul, Korea	Cổ phần phổ thông	600.000	20%
	<b>Tổng cộng</b>			<b>3.000.000</b>	

**Ngành nghề kinh doanh của Công ty**

- Quản lý quỹ đầu tư;
- Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán;
- Tự doanh.

**Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 31/12/2013 và đến ngày lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính, gồm:

**Hội đồng quản trị**

Ông Nguyễn Hồ Nam  
Ông Trần Ngọc Tuấn  
Ông Nguyễn Hà Trung  
Ông Yoon Hugh

**Chức vụ**

Chủ tịch (Bổ nhiệm từ ngày 30/07/2013)  
Chủ tịch (Miễn nhiệm từ ngày 30/07/2013)  
Thành viên  
Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông Nguyễn Hồ Nam  
Bà Thiều Mai Hương

**Chức vụ**

Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 30/07/2013)  
Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 30/07/2013)

**Ban Kiểm soát**

Bà Hoàng Thị Minh Châu

**Chức vụ**

Trưởng ban

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**  
*(tiếp theo)*

Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh  
Ông Min Young Chang

Ủy viên  
Ủy viên

**Trụ sở chính:**

Địa chỉ: Phòng L14-08B, Tầng 14, Trung tâm Vincom, 72 Lê Thánh Tông, phường Bến Nghé, quận 1, TP HCM

Tel : (84-8) 6288 5603  
Fax : (84-8) 6288 5604  
Mã số thuế : 0103020199

**Kiểm toán viên**

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 31/12/2013 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

**Sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 31/12/2013.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2013 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2013 và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Ban Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tuân thủ các quy định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính và thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 09/12/2012 sửa đổi bổ sung thông tư số 226/2010/TT-BTC. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

*Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,*

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THĂNG LONG**



**Nguyễn Hồ Nam**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2014



Số: 168 -14/BC-TC/VAE

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2014

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi : Ban Giám đốc**  
**Công ty CP Quản lý quỹ Thăng Long**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 31/12/2013 được lập ngày 15 tháng 03 năm 2014 của Công ty CP Quản lý quỹ Thăng Long (gọi tắt là "Công ty") từ trang 6 đến trang 13 kèm theo.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

### **Cơ sở đưa ra ý kiến**

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2013 đã phản ánh trung thực và hợp lý, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính về việc quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính và Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 09/10/2012 của Bộ tài chính về việc sửa đổi thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010.



Báo cáo kiểm toán được lập bằng sáu (06) bản tiếng Việt. Công ty CP Quản lý quỹ Thăng Long giữ (05) bản tiếng Việt, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ (01) bản tiếng Việt. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.



Trần Quốc Tuấn

Tổng giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0148-2013-034-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Ngô Bá Duy

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1107-2013-034-1



Công ty CP Quản lý quỹ Thăng Long

Số công văn:

V/v: Báo cáo chỉ tiêu an toàn tài chính

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2014

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Tại thời điểm: 31/12/2013

Chúng tôi cam đoan rằng:

- (1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo và được lập theo đúng các quy định tại Thông tư 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính và Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC của Bộ tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính.
- (2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;
- (3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

Phụ trách kế toán

Trần Thị Thu Hương

Trưởng bộ phận  
Kiểm soát nội bộ

Hoàng Thị Minh Châu

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hồ Nam

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: VND

**I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG**

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
		(1)	(2)	(3)
<b>A</b>	<b>NGUỒN VỐN</b>			
1	Vốn chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	30.000.000.000		
2	Thặng dư vốn cổ phần	-		
3	Cổ phiếu quỹ	-		
4	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	-		
5	Quỹ đầu tư phát triển	-		
6	Quỹ dự phòng tài chính	-		
7	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-		
8	Lợi nhuận lũy kế và lợi nhuận chưa phân phối trước khi trích lập các khoản dự phòng theo quy định pháp luật.	(9.439.994.550)		
9	Chênh lệch đánh giá lại tài sản (50% tăng thêm hoặc 100% giảm đi)	-		
10	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-		
11	Lợi ích của cổ đông thiểu số	-		
12	Các khoản nợ có thể chuyển đổi			-
13	Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính		579.174	-
<b>1A</b>	<b>Tổng</b>			<b>20.559.426.276</b>
<b>B</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>			
<b>I</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>			
<b>II</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>			
1	Đầu tư ngắn hạn		-	
	<i>Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 8</i>			
	<i>Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định khoản 5 Điều 5</i>		-	
<b>III</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		32.000.000	
1	Phải thu của khách hàng		-	
	<i>Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống</i>			
	<i>Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày</i>		-	
2	Trả trước cho người bán		22.000.000	
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn			
	<i>Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống</i>			

8-C.T  
 TY  
 HỮU HẠN  
 ĐỊNH GI  
 AM  
 TP. HAI



**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**  
 Tại ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: VND

	<i>Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày</i>		-	
4	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		-	
	<i>Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống</i>			
	<i>Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày</i>		-	
5	Các khoản phải thu khác		10.000.000	
	<i>Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống</i>			
	<i>Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày</i>		10.000.000	
6	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)			
<b>IV</b>	<b>Hàng tồn kho</b>		-	
<b>V</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>18.000.000</b>	
1	Chi phí trả trước ngắn hạn		-	
2	Thuế GTGT được khấu trừ			
3	Thuế và các khoản phải thu nhà nước			
4	Tài sản ngắn hạn khác		18.000.000	
4.1	Tạm ứng		-	
	<i>Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống</i>			
	<i>Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày</i>		-	
4.2	Phải thu khác, tài sản ngắn hạn khác		18.000.000	
<b>1B</b>	<b>Tổng</b>			<b>50.000.000</b>
<b>C</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>			
<b>I</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>		-	
1	Phải thu dài hạn của khách hàng		-	
	<i>Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống</i>			
	<i>Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày</i>		-	
2	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		-	
3	Phải thu dài hạn nội bộ		-	
	<i>Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống</i>			
	<i>Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày</i>		-	
4	Phải thu dài hạn khác		-	

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**  
 Tại ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: VND

	<i>Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống</i>			
	<i>Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày</i>			-
5	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			-
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định</b>			-
<b>III</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>			-
<b>IV</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>			-
1	Đầu tư vào công ty con			-
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh			-
3	Đầu tư chứng khoán dài hạn			-
4	Đầu tư dài hạn khác			-
5	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn			-
<b>V</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>		852.323.180	
	Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ tại báo cáo tài chính năm đã kiểm toán mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 5			-
<b>1C</b>	<b>Tổng</b>		852.323.180	
<b>VỐN KHẢ DỤNG = (1A) - (1B) - (1C)</b>				<b>19.657.103.096</b>

0101  
 CÔNG TY  
 TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN  
 VI  
 HỮU GI

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**  
 Tại ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: VND

**II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO**

**A. RỦI RO THỊ TRƯỜNG**

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ</b>			<b>370.606.708</b>	<b>-</b>
1	Tiền mặt (VND)	0%	370.606.708	-
2	Các khoản tương đương tiền, tiền gửi có kỳ hạn	0%	-	-
3	Giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ	0%	-	-
<b>II. Trái phiếu chính phủ</b>			-	-
4	Trái phiếu chính phủ không trả lãi suất	0%	-	-
5	Trái phiếu chính phủ trả lãi suất cố định		-	-
5.1	Trái phiếu Chính phủ, Trái phiếu Chính phủ các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi Chính phủ hoặc Ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, Trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, ADB, IADB, AFDB, EIB và EBRD	3%	-	-
5.2	Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm;	3%	-	-
	Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 tới 5 năm;	4%	-	-
	Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên;	5%	-	-
<b>III. Trái phiếu doanh nghiệp</b>			-	-
6	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8%	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 tới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20%	-	-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25%	-	-

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**  
 Tại ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: VND

7	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 tới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30%	-	-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	40%	-	-
<b>IV. Cổ phiếu</b>			<b>1.168.696</b>	<b>116.870</b>
8	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi, của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh; chứng chỉ quỹ mở	10%	1.168.696	116.870
9	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội	15%	-	-
10	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom	20%	-	-
11	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	30%	-	-
12	Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50%	-	-
<b>V. Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán khác</b>			-	-
13	Quỹ đại chúng	10%	-	-
14	Quỹ thành viên	30%	-	-
<b>VI. Chứng khoán bị hạn chế giao dịch</b>			-	-
15	Chứng khoán bị tạm ngừng giao dịch	40%	-	-
16	Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	50%	-	-
<b>VII. Chứng khoán khác</b>			-	-
17	Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác	80%	-	-
<b>VIII. Rủi ro tăng thêm (nếu có)</b>			-	-
	<b>Mã chứng khoán</b>	<b>Mức tăng thêm</b>	<b>Quy mô rủi ro</b>	<b>Giá trị rủi ro</b>
<b>A. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (A= I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII)</b>				<b>116.870</b>

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**  
 Tại ngày 31/12/2013  
 (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**B. RỦI RO THANH TOÁN**

Loại hình giao dịch		Giá trị rủi ro					Tổng giá trị rủi ro	
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)		(6)
<b>I. Rủi ro trước thời hạn thanh toán</b>								
1	Tiền gửi kỳ hạn và các khoản tiền cho vay không có tài sản đảm bảo	-	-	-	-	-	1.056.096.667	1.056.096.667
2	Cho vay chứng khoán	-	-	-	-	-	-	-
3	Vay chứng khoán	-	-	-	-	-	-	-
4	Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại	-	-	-	-	-	-	-
5	Hợp đồng bán chứng khoán có cam kết mua lại	-	-	-	-	-	-	-
6	Hợp đồng cho vay mua ký quỹ (cho khách hàng vay mua chứng khoán)/ Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
<b>II. Rủi ro quá thời hạn thanh toán</b>								
	Thời gian quá hạn	Hệ số rủi ro		Quy mô rủi ro		Giá trị rủi ro		
1	0-15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	16%		-		-		
2	16-30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	32%		-		-		
3	31-60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	48%		-		-		
4	Từ 60 ngày trở đi	100%		-		-		
<b>III. Rủi ro tăng thêm (nếu có)</b>								
	Chi tiết tới từng khoản vay, tới từng đối tác	Mức tăng thêm		Quy mô rủi ro		Giá trị rủi ro		
1	Công ty Tài chính CP Handico	10%		1.056.096.667		105.609.667		
<b>B. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (B= I+II+III)</b>							<b>1.161.706.333</b>	

**C. RỦI RO HOẠT ĐỘNG (TÍNH TRONG VÒNG 12 THÁNG)**

Giá trị

I	Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng	2.160.168.549
II	Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí	579.174
	1. Chi phí khấu hao	-
	2. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	579.174
	3. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	-
	4. Dự phòng phải thu khó đòi	-
III.	Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III=I-II)	2.159.589.375
IV	25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV=25%xIII)	539.897.344
V	20% Vốn pháp định của tổ chức kinh doanh chứng khoán	5.000.000.000
<b>C. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (C= Max{IV,V})</b>		<b>5.000.000.000</b>
<b>D. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO (A+B+C)</b>		<b>6.161.823.203</b>

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH  
Tại ngày 31/12/2013  
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

III. BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG

STT	Các chỉ tiêu	Giá trị rủi ro/Vốn khả dụng	Ghi chú
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường	116.870	
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	1.161.706.333	
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	5.000.000.000	
4	Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)	6.161.823.203	
5	Vốn khả dụng	19.657.103.096	
6	Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng (6=5/4)	319,01%	

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2014

CÔNG TY CP QUẢN LÝ QUỸ THĂNG LONG

Phụ trách kế toán



Trần Thị Thu Hương

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hồ Nam